

18/3



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 5 - 8 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 9 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 10 - 11 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 12 - 27 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần 28.1 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV 28.1 theo Quyết định số 2103/QĐ – BQP ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29 tháng 9 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84 - 28) 38 940 914
- Fax : (84 - 28) 38 941 668

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất hàng may mặc (trừ tủy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan);
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------------|--------------|--------------------------|
| Ông Đỗ Tuấn Anh | Chủ tịch | Ngày 24 tháng 9 năm 2016 |
| Ông Trần Doãn Thoan | Phó Chủ tịch | Ngày 24 tháng 9 năm 2016 |
| Ông Nguyễn Vĩnh Long | Thành viên | Ngày 24 tháng 9 năm 2016 |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Trang | Thành viên | Ngày 24 tháng 9 năm 2016 |
| Ông Nguyễn Hữu Phước | Thành viên | Ngày 24 tháng 9 năm 2016 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------|------------|--------------------------|
| Lữ Công Thịnh | Trưởng ban | Ngày 24 tháng 9 năm 2016 |
| Nguyễn Văn Kiên | Ủy viên | Ngày 24 tháng 9 năm 2016 |
| Trần Thị Lê | Ủy viên | Ngày 24 tháng 9 năm 2016 |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|--------------------------|--------------|-------------------------------------|
| Ông Trần Doãn Thoan | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2016 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Vĩnh Long | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2016 |
| Ông Nguyễn Minh Phương | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Doãn Thoan – Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2014).



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện Ban Giám đốc,



Trần Doãn Thoan
Giám đốc

Ngày 01 tháng 3 năm 2018





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area,
Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 1.0259/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28.1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 28.1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

Nguyễn Thị Phước Tiên

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1199-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 110.335.551.455 | 144.002.412.334 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 3.457.758.515 | 22.433.258.196 |
| 1. Tiền | 111 | | 3.457.758.515 | 22.433.258.196 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 32.146.698.087 | 27.784.738.704 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 29.303.887.455 | 25.284.504.719 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 2.832.316.361 | 2.500.233.985 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 10.494.271 | - |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 69.993.771.646 | 91.221.845.290 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.5 | 69.993.771.646 | 91.221.845.290 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 4.737.323.207 | 2.562.570.144 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.6 | 1.090.390.352 | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 3.646.932.855 | 2.562.570.144 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 37.036.481.967 | 39.875.281.580 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 70.000.000 | 70.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 70.000.000 | 70.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 36.966.481.967 | 37.624.500.876 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 36.966.481.967 | 37.624.500.876 |
| - Nguyên giá | 222 | | 83.089.463.672 | 77.372.576.218 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (46.122.981.705) | (39.748.075.342) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | 2.180.780.704 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.6 | - | 2.180.780.704 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 147.372.033.422 | 183.877.693.914 |

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 97.648.768.160 | 135.057.881.540 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 97.543.768.160 | 131.702.881.540 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.8 | 40.563.139.334 | 44.395.056.392 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.9 | 184.410.597 | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.10 | 508.744.656 | 550.063.523 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.11 | 15.479.753.936 | 17.691.505.939 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 136.000.000 | - |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.12a | 10.832.568.139 | 19.304.408.166 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.13a | 26.760.668.500 | 46.250.071.200 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.14 | 3.078.482.998 | 3.511.776.320 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 105.000.000 | 3.355.000.000 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.12b | 105.000.000 | 105.000.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.13b | - | 3.250.000.000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

815-C
 TY
 HỮU HẠN
 TỰ VY
 C
 HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

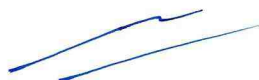
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 49.723.265.262 | 48.819.812.374 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 49.723.265.262 | 48.819.812.374 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.15 | 48.633.860.000 | 48.633.860.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 48.633.860.000 | 48.633.860.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.15 | 627.377.268 | 123.247.871 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.15 | 462.027.994 | 62.704.503 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 62.704.503 | 62.704.503 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 399.323.491 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 147.372.033.422 | 183.877.693.914 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018



Nguyễn Văn Kiên
Người lập



Nguyễn Hữu Phước
Kế toán trưởng



Trần Doãn Thoan
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

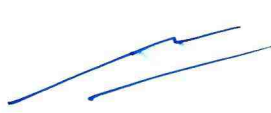
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 462.826.884.898 | 116.582.132.715 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 462.826.884.898 | 116.582.132.715 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 418.902.298.207 | 103.330.241.239 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 43.924.586.691 | 13.251.891.476 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 2.630.876.687 | 1.563.945.727 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 2.062.332.717 | 1.456.147.054 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1.109.772.276 | 270.153.007 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 4.198.807.420 | 1.714.896.078 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 29.883.763.838 | 9.106.430.082 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 10.410.559.403 | 2.538.363.989 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 92.136.364 | 29.300.000 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | - |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 92.136.364 | 29.300.000 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 10.502.695.767 | 2.567.663.989 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.10 | 2.100.539.153 | 513.532.798 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>8.402.156.614</u> | <u>2.054.131.191</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | <u>1.486</u> | <u>363</u> |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8 | <u>1.486</u> | <u>363</u> |


 Nguyễn Văn Kiên
 Người lập


 Nguyễn Hữu Phước
 Kế toán trưởng


 Trần Doãn Thoan
 Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 10.502.695.767 | 2.567.663.989 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.7 | 6.475.425.506 | 1.630.962.528 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.4 | 41.674.513 | 448.224.772 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.7 | (24.545.455) | - |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 1.109.772.276 | 270.153.007 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 18.105.022.607 | 4.917.004.296 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (5.453.606.572) | 15.844.171.454 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 21.228.073.644 | (35.482.240.545) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (24.177.575.727) | 10.158.155.260 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 1.090.390.352 | 1.515.910.647 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | VI.4 | (1.109.772.276) | (270.153.007) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.10 | (2.136.405.560) | (487.697.766) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.14 | (1.609.595.248) | (208.347.305) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 5.936.531.220 | (4.013.196.966) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.7; VII | (1.713.858.622) | (58.327.280) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | VI.7 | 24.545.455 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (1.689.313.167) | (58.327.280) |

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|--------------------------------|------------------------------|
| | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.13 | 85.779.350.191 | 28.289.765.310 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.13 | (108.448.857.767) | (10.575.034.285) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | VII | (553.210.158) | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <u><i>(23.222.717.734)</i></u> | <u><i>17.714.731.025</i></u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (18.975.499.681) | 13.643.206.779 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 22.433.258.196 | 8.793.364.440 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | (3.313.023) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | <u>3.457.758.515</u> | <u>22.433.258.196</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018



Nguyễn Văn Kiên
Người lập



Nguyễn Hữu Phước
Kế toán trưởng



Trần Doãn Thoan
Giám đốc

0044
CÔNG
H NHIỆP
TOÁN
A &
H. T.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần 28.1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất hàng may mặc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan); Mua bán hàng may mặc; Mua bán nguyên phụ liệu ngành may.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước không so sánh được với số liệu của năm nay do:

- Số năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu phát sinh từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (sau thời điểm Công ty thực hiện cổ phần hóa).
- Số năm nay trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 830 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 848 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là lợi thế kinh doanh. Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2016. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 05 – 08 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 – 08 |
| Tài sản cố định khác | 02 – 03 |

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 53.324.577 | 48.265.513 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 3.404.433.938 | 22.384.992.683 |
| Cộng | 3.457.758.515 | 22.433.258.196 |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Itochu Prominent USA LLC | 25.312.430.044 | 22.489.474.071 |
| Prominent (Europe) Ltd | 3.040.417.963 | 1.715.001.344 |
| Itochu Corporation | - | 819.095.450 |
| Các khách hàng khác | 951.039.448 | 260.933.854 |
| Cộng | 29.303.887.455 | 25.284.504.719 |

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Zhen Xiang (Hong Kong) Trading Co., Ltd | - | 1.214.905.294 |
| Recron (Malaysia) Sdn., Bhd | - | 419.443.341 |
| Anwise Corporation Limited | 190.300.229 | 414.315.629 |
| Credit Agricole Leasing & Factoring Sa | 1.609.180.251 | 318.394.754 |
| Hangzhou Sanyue Textile Co.,Ltd | 340.057.388 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 692.778.493 | 133.174.967 |
| Cộng | 2.832.316.361 | 2.500.233.985 |

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|----------------------------------|-------------------|----------|------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 2.821.000 | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 7.673.271 | - | - | - |
| Cộng | 10.494.271 | - | - | - |

4b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản đặt cọc dài hạn.

5. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 26.679.135.511 | - | 49.310.004.883 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 338.098.154 | - | 72.383.164 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 8.309.028.625 | - | 3.892.107.850 | - |
| Thành phẩm | 34.667.509.356 | - | 37.947.349.393 | - |
| Cộng | 69.993.771.646 | - | 91.221.845.290 | - |

Toàn bộ hàng tồn kho đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (xem thuyết minh số V.13a).

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn là lợi thế kinh doanh còn phải phân bổ.

7. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 23.183.169.847 | 49.191.494.959 | 1.679.103.033 | 340.536.200 | 2.978.272.179 | 77.372.576.218 |
| Mua sắm mới | 1.921.501.597 | 3.895.905.000 | - | - | - | 5.817.406.597 |
| Thanh lý | - | - | (100.519.143) | - | - | (100.519.143) |
| Số cuối năm | 25.104.671.444 | 53.087.399.959 | 1.578.583.890 | 340.536.200 | 2.978.272.179 | 83.089.463.672 |
| Trong đó: | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 137.341.734 | - | 195.036.200 | - | 332.377.934 |

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|--------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 15.802.348.417 | 20.957.500.145 | 1.000.123.573 | 250.183.830 | 1.737.919.377 | 39.748.075.342 |
| Khấu hao trong năm | 475.804.152 | 5.470.428.097 | 157.858.392 | 38.012.785 | 333.322.080 | 6.475.425.506 |
| Thanh lý | - | - | (100.519.143) | - | - | (100.519.143) |
| Số cuối năm | 16.278.152.569 | 26.427.928.242 | 1.057.462.822 | 288.196.615 | 2.071.241.457 | 46.122.981.705 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 7.380.821.430 | 28.233.994.814 | 678.979.460 | 90.352.370 | 1.240.352.802 | 37.624.500.876 |
| Số cuối năm | 8.826.518.875 | 26.659.471.717 | 521.121.068 | 52.339.585 | 907.030.722 | 36.966.481.967 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

8. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả bên liên quan | - | 21.700.000 |
| Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú | - | 21.700.000 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 40.563.139.334 | 44.373.356.392 |
| Prominent Europe Ltd | 19.264.287.426 | 37.004.223.960 |
| Freudenberg | 10.761.707.781 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 10.537.144.127 | 7.369.132.432 |
| Cộng | 40.563.139.334 | 44.395.056.392 |

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản trả trước của Công ty Cổ phần Đầu tư K&G Việt Nam.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|----------------------------|--------------------|--------------------------|------------------------|--------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | - | - | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 13.269.272 | (13.269.272) | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 6.759.471 | (6.759.471) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 525.777.402 | 2.099.139.153 | (2.136.405.560) | 488.510.995 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 24.286.121 | 139.669.915 | (143.722.375) | 20.233.661 |
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - |
| Cộng | 550.063.523 | 2.261.837.811 | (2.303.156.678) | 508.744.656 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|----------------------------|-----|
| - Hàng xuất khẩu | 0% |
| - Hàng tiêu thụ trong nước | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 10.502.695.767 | 2.567.663.989 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 10.502.695.767 | 2.567.663.989 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 2.100.539.153 | 513.532.798 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước | (1.400.000) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 2.099.139.153 | 513.532.798 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

11. Phải trả người lao động

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lương phải trả người lao động | 5.232.532.698 | 5.450.252.899 |
| Quỹ thưởng cho nhân viên | 8.847.221.238 | 10.121.724.066 |
| Quỹ lương dự phòng | 1.400.000.000 | 2.119.528.974 |
| Cộng | 15.479.753.936 | 17.691.505.939 |

12. Phải trả khác

12a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả bên liên quan | 7.204.268.261 | 17.461.436.548 |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28: | 7.204.268.261 | 17.461.436.548 |
| - Cổ tức phải trả | 4.109.561.300 | 1.027.390.325 |
| - Phải trả về cổ phần hóa | - | 13.388.182.728 |
| - Các khoản phải trả khác | 3.094.706.961 | 3.045.863.495 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 3.628.299.878 | 1.842.971.618 |
| Cổ tức phải trả | 2.212.840.500 | 553.210.158 |
| KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN | 600.665.085 | 338.640.758 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 814.794.293 | 951.120.702 |
| Cộng | 10.832.568.139 | 19.304.408.166 |

12b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận đặt cọc dài hạn.

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vay

13a. Vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i> | 3.250.000.000 | 7.250.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 (xem thuyết minh số V.13b) | 3.250.000.000 | 7.250.000.000 |
| <i>Vay ngắn hạn phải trả tổ chức khác</i> | 23.510.668.500 | 39.000.071.200 |
| Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội | 23.510.668.500 | 39.000.071.200 |
| Cộng | 26.760.668.500 | 46.250.071.200 |

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.5).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u> | <u>Chênh lệch tỷ giá</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|----------------------------|-----------------------|--|--------------------------------------|------------------------------|---|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 39.000.071.200 | 85.779.350.191 | - | (69.895.124) | (101.198.857.767) | 23.510.668.500 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 7.250.000.000 | - | 3.250.000.000 | - | (7.250.000.000) | 3.250.000.000 |
| Cộng | 46.250.071.200 | 85.779.350.191 | 3.250.000.000 | (69.895.124) | (108.448.857.767) | 26.760.668.500 |

13b. Vay dài hạn

Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 để mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 04%/năm. Số tiền vay được hoàn trả nhiều đợt cho đến khi kết thúc hợp đồng vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 3.250.000.000 | 7.250.000.000 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | - | 3.250.000.000 |
| Tổng nợ | 3.250.000.000 | 10.500.000.000 |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------|--------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 3.250.000.000 | 6.500.000.000 |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (3.250.000.000) | (3.250.000.000) |
| Số cuối năm | - | 3.250.000.000 |

13c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 3.511.776.320 | 3.432.545.258 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 1.176.301.926 | 287.578.367 |
| Chi quỹ | (1.609.595.248) | (208.347.305) |
| Số cuối năm | 3.078.482.998 | 3.511.776.320 |

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số dư tại ngày 30/9/2016 | 48.633.860.000 | - | - | 48.633.860.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 2.054.131.191 | 2.054.131.191 |
| Trích lập các quỹ trong năm | - | 123.247.871 | (410.826.238) | (287.578.367) |
| Chia cổ tức | - | - | (1.580.600.450) | (1.580.600.450) |
| Số dư cuối năm trước | 48.633.860.000 | 123.247.871 | 62.704.503 | 48.819.812.374 |
| Số dư đầu năm nay | 48.633.860.000 | 123.247.871 | 62.704.503 | 48.819.812.374 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 8.402.156.614 | 8.402.156.614 |
| Trích lập các quỹ trong năm | - | 504.129.397 | (1.680.431.323) | (1.176.301.926) |
| Chia cổ tức | - | - | (6.322.401.800) | (6.322.401.800) |
| Số dư cuối năm nay | 48.633.860.000 | 627.377.268 | 462.027.994 | 49.723.265.262 |

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 | 31.612.010.000 | 31.612.010.000 |
| Các cổ đông khác | 17.021.850.000 | 17.021.850.000 |
| Cộng | 48.633.860.000 | 48.633.860.000 |

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 48.633.860.000 VND.

15c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 4.863.386 | 4.863.386 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 4.863.386 | 4.863.386 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 4.863.386 | 4.863.386 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 4.863.386 | 4.863.386 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 4.863.386 | 4.863.386 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

15d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 236/QĐ-CTCP ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

| | VND |
|-----------------------------------|-----------------|
| • Chia lợi nhuận cho các cổ đông | : 6.322.401.800 |
| • Trích Quỹ đầu tư phát triển | : 504.129.397 |
| • Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 1.176.301.926 |

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản trong đương tiền bao gồm 128.708,29 USD (số đầu năm là 925.001,54 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu hàng xuất khẩu | 447.169.234.328 | 112.717.860.071 |
| Doanh thu hàng kinh tế | 14.222.728.357 | 3.406.272.612 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.434.922.213 | 458.000.032 |
| Cộng | <u>462.826.884.898</u> | <u>116.582.132.715</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (năm trước phát sinh giao dịch bán thành phẩm cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 với số tiền 1.533.112.500 VND).

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn hàng xuất khẩu | 407.698.586.799 | 100.744.921.473 |
| Giá vốn hàng kinh tế | 11.029.888.672 | 2.541.864.082 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 173.822.736 | 43.455.684 |
| Cộng | <u>418.902.298.207</u> | <u>103.330.241.239</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 7.505.487 | 1.815.173 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 2.613.466.182 | 1.562.130.554 |
| Chiết khấu thanh toán được hưởng | 9.905.018 | - |
| Cộng | <u>2.630.876.687</u> | <u>1.563.945.727</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 1.109.772.276 | 270.153.007 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 41.674.513 | 448.224.772 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 910.885.928 | 737.769.275 |
| Cộng | <u>2.062.332.717</u> | <u>1.456.147.054</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí vật liệu, bao bì | 712.395.262 | 619.345.585 |
| Chi phí hải quan, vận chuyển, bốc xếp hàng | 2.627.262.498 | 536.765.158 |
| Xuất mẫu cho khách hàng | 664.055.060 | 558.785.335 |
| Các chi phí khác | 195.094.600 | - |
| Cộng | <u>4.198.807.420</u> | <u>1.714.896.078</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 21.616.984.102 | 5.796.386.907 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.399.799.630 | 787.982.766 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 195.871.177 | 54.551.349 |
| Thuế, phí và lệ phí | 573.034.993 | 200.321.458 |
| Chi phí lợi thế kinh doanh | 1.090.390.352 | 1.090.390.353 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.626.593.376 | 510.922.427 |
| Các chi phí khác | 3.381.090.208 | 665.874.822 |
| Cộng | <u>29.883.763.838</u> | <u>9.106.430.082</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Lãi thanh lý tài sản cố định | 24.545.455 | - |
| Thu tiền từ cho thuê máy móc | - | 29.300.000 |
| Các khoản thu nhập khác | 67.590.909 | - |
| Cộng | <u>92.136.364</u> | <u>29.300.000</u> |

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 8.402.156.614 | 2.054.131.191 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (1.176.301.926) | (287.578.367) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 7.225.854.688 | 1.766.552.824 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 4.863.386 | 4.863.386 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>1.486</u> | <u>363</u> |

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 317.243.014.018 | 93.342.037.435 |
| Chi phí nhân công | 98.151.481.254 | 24.986.235.428 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 6.475.425.506 | 1.630.962.528 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 23.228.555.839 | 7.842.462.079 |
| Chi phí khác | 8.809.680.410 | 1.263.364.162 |
| Cộng | <u>453.908.157.027</u> | <u>129.065.061.632</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm Công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền liên quan đến việc trả cổ tức cho cổ đông với số tiền 1.027.390.325 VND (năm trước là 2.090.039.875 VND).

Công nợ phải trả liên quan đến mua sắm tài sản cố định tại thời điểm cuối năm là 4.242.848.725 VND (số đầu năm là 139.300.750 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------|----------------------|--------------------|
| Tiền lương | 1.320.300.000 | 251.640.000 |
| Phụ cấp | 110.921.221 | 10.717.000 |
| Thưởng | 35.165.248 | 37.800.000 |
| Cộng | 1.466.386.469 | 300.157.000 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|----------------------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Bình Phú | Công ty cùng Tập đoàn |

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Bình Phú | | |
| Mua nguyên liệu, thành phẩm | 253.077.000 | 196.520.000 |
| Bán thành phẩm | 42.362.000 | - |
| Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú | | |
| Mua nguyên vật liệu, thành phẩm | - | 22.727.273 |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 | | |
| Chia cổ tức | 4.109.561.300 | 1.027.390.292 |
| Các khoản chi hộ | 71.881.747 | 269.515.700 |
| Chi phí lãi vay | 339.431.705 | 100.369.998 |
| Mua nguyên, nhiên, vật liệu và phí gia công | 4.754.554.786 | 208.700.807 |
| Chi phí thuê đất | 968.605.747 | 242.151.433 |
| Cho thuê máy móc | - | 11.300.000 |
| Phải trả về cổ phần hóa | - | 13.388.182.728 |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác


Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.8, V.12a và V.13.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Nguyễn Văn Kiên
Người lập


Nguyễn Hữu Phước
Kế toán trưởng


Trần Doãn Thoan
Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018